

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ**

Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét  
cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2023



# MỤC LỤC

	<b>Trang</b>
<b>BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC</b>	2 - 4
<b>BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ</b>	5 - 6
<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ</b>	
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	7 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	10
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	11 - 32

# CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ

Số 65A2, đường 30 tháng 4, phường Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2023.

### **1. Thông tin chung**

Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3500806844 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp lần đầu ngày 09/7/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 27/8/2019.

Trụ sở chính của Công ty tại số 65A2, đường 30 tháng 4, phường Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam.

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là đóng mới, sửa chữa, hoán cải các loại giàn khoan, giàn khoan khai thác dầu khí, tài thủy, phương tiện nổi và các thiết bị liên quan; Kinh doanh các loại thiết bị và nguyên vật liệu liên quan.

### **2. Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc**

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc trong kỳ kế toán và cho đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

#### ***Hội đồng quản trị***

Ông Bùi Thanh Nam	Chủ tịch	Bỏ nhiệm từ ngày 12/05/2023
Ông Trần Hoài Nam	Chủ tịch	Miễn nhiệm từ ngày 12/05/2023
Ông Nguyễn Quang Hiếu	Thành viên	
Ông Nguyễn Tuấn	Thành viên	
Ông Vũ Minh Phú	Thành viên	

#### ***Ban Kiểm soát***

Bà Nguyễn Lệ Trà	Trưởng ban
Ông Phạm Công Huy	Thành viên
Ông Phạm Thường Minh	Thành viên

#### ***Ban Giám đốc***

Ông Nguyễn Quang Hiếu	Giám đốc
Ông Nguyễn Nam Anh	Phó Giám đốc
Ông Ninh Văn Quyết	Phó Giám đốc

### **Đại diện pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ kế toán và cho đến thời điểm lập báo cáo này là ông Nguyễn Quang Hiếu - Giám đốc.

### **3. Đánh giá tình hình kinh doanh**

Kết quả kinh doanh của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2023 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ

Số 65A2, đường 30 tháng 4, phường Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

### **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

---

#### **4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh Báo cáo tài chính.

#### **5. Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam được lựa chọn soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2023 của Công ty.

#### **6. Trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ kế toán. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban Giám đốc cam kết:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

#### **7. Cam kết khác**

Ban Giám đốc cam kết tuân thủ việc công bố thông tin theo Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty Đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ**

Số 65A2, đường 30 tháng 4, phường Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

---

**8. Phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Ban Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Ban Giám đốc, 



---

**Nguyễn Quang Hiếu**

Giám đốc

Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

Ngày 12 tháng 08 năm 2023



Số : 060/2023/BCSX-PB.00517

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi:** Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 12 tháng 08 năm 2023, từ trang 07 đến trang 32, bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30/06/2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện. Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Cơ sở của việc từ chối đưa ra kết luận

Như đã trình bày tại Thuyết minh báo cáo tài chính mục 7.5 Thông tin về hoạt động liên tục. Tại ngày 30/06/2023, Công ty đã báo cáo số lỗ lũy kế là 1.041.026.982.115 đồng (tại ngày 01/01/2023 là 1.005.313.417.307 đồng), tổng nợ phải trả ngắn hạn đã vượt quá tổng tài sản ngắn hạn là 860.353.406.223 đồng (tại ngày 01/01/2023 là 810.052.453.218 đồng) và cũng tại ngày này khoản gốc vay quá hạn thanh toán là 529.799.997.260 đồng (tại ngày 01/01/2023 là 451.799.997.260 đồng) lãi vay quá hạn thanh toán là 351.406.977.511 đồng (tại ngày 01/01/2023 là 323.391.112.726 đồng). Theo đó, khả năng tiếp tục hoạt động kinh doanh của công ty phụ thuộc vào khả năng tạo ra đủ lượng tiền phục vụ kinh doanh. Công ty tin tưởng rằng hoạt động kinh doanh sẽ tiếp tục với việc thu hồi công nợ phải thu từ các dự án đã hoàn thành, việc thực hiện các hợp đồng kinh tế đã và sẽ được ký kết và thực hiện trong những năm tiếp theo tạo dòng tiền để có thể thanh toán các khoản công nợ. Đồng thời, công ty đang tiếp tục xin cơ cấu lại khoản nợ vay của Ngân hàng. Tuy nhiên, chúng tôi không thể thu thập được bằng chứng kiểm toán thích hợp về các kế hoạch hoạt động này. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu Báo cáo tài chính của Công ty kèm theo được lập với giả định công ty tiếp tục hoạt động liên tục có phù hợp hay không.

## Từ chối đưa ra kết luận

Do tầm quan trọng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của việc từ chối đưa ra kết luận", chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra kết luận kiểm toán. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra kết luận kiểm toán về Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2023.

## Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên của Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam. Kiểm toán viên đã từ chối đưa ra ý kiến với Báo cáo tài chính đính kèm vào ngày 22/03/2023.



**LE VIET CUONG**

**Phó Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2478-2023-009-1

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM - CHI NHÁNH PHÍA BẮC**

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 12 tháng 08 năm 2023

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ**

Số 65A2, đường 30 tháng 4, phường Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023

Mẫu số B 01 - DN

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/06/2023	01/01/2023
			VND	VND
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>395.235.524.895</b>	<b>221.001.335.824</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	5.1	<b>132.003.456.718</b>	<b>38.340.009.768</b>
1. Tiền	111		118.052.926.654	34.975.255.905
2. Các khoản tương đương tiền	112		13.950.530.064	3.364.753.863
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	5.2	<b>16.704.975.753</b>	<b>4.754.975.753</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		16.704.975.753	4.754.975.753
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>159.220.389.503</b>	<b>108.468.429.475</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	158.959.323.212	116.536.008.330
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	9.179.996.261	1.547.209.624
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	2.281.797.301	1.568.188.792
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.6	(11.709.250.192)	(11.691.500.192)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		508.522.921	508.522.921
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	5.7	<b>84.308.720.277</b>	<b>65.345.007.979</b>
1. Hàng tồn kho	141		85.212.599.988	66.248.887.690
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(903.879.711)	(903.879.711)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>2.997.982.644</b>	<b>4.092.912.849</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.8	1.463.137.169	1.565.998.701
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	956.549.404
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.16	1.534.845.475	1.570.364.744
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>438.563.829.356</b>	<b>462.678.878.309</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>302.645.252.285</b>	<b>319.423.998.031</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	301.667.579.555	318.350.079.721
- Nguyên giá	222		1.284.278.976.023	1.284.278.976.023
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(982.611.396.468)	(965.928.896.302)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.10	977.672.730	1.073.918.310
- Nguyên giá	228		75.690.301.102	75.690.301.102
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(74.712.628.372)	(74.616.382.792)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>18.877.488.398</b>	<b>18.877.488.398</b>
1. Chi phí SXKD dở dang dài hạn	241	5.11	18.877.488.398	18.877.488.398
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>3.376.131.500</b>	<b>2.590.131.500</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	5.2	3.376.131.500	2.590.131.500
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>113.664.957.173</b>	<b>121.787.260.380</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8	113.664.957.173	121.787.260.380
<b>TONG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>833.799.354.251</b>	<b>683.680.214.133</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ**

Số 65A2, đường 30 tháng 4, phường Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023

Mẫu số B 01 - DN

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/06/2023	01/01/2023
			VND	VND
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>1.277.380.821.663</b>	<b>1.091.548.116.737</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1.255.588.931.118</b>	<b>1.031.053.789.042</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.14	89.206.333.794	104.260.366.317
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		3.454.578.109	3.300.225.613
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.16	2.399.762.691	-
4. Phải trả người lao động	314		3.941.691.210	23.845.940
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.12	490.201.395.496	334.439.620.981
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	5.13	32.609.359.860	-
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.15	19.915.659.231	20.104.771.335
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.17	613.779.289.131	568.799.997.260
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		80.861.596	124.961.596
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>21.791.890.545</b>	<b>60.494.327.695</b>
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	5.13	20.523.988.323	20.226.425.473
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.17	1.104.449.097	40.104.449.097
3. Dự phòng nợ phải trả dài hạn	342		163.453.125	163.453.125
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>(443.581.467.412)</b>	<b>(407.867.902.604)</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	5.18	<b>(443.531.390.652)</b>	<b>(407.817.825.844)</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		594.897.870.000	594.897.870.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		594.897.870.000	594.897.870.000
2. Vốn khác của chủ sở hữu	414		2.597.721.463	2.597.721.463
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(1.041.026.982.115)	(1.005.313.417.307)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(1.005.313.417.307)	(889.833.251.725)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(35.713.564.808)	(115.480.165.582)
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>(50.076.760)</b>	<b>(50.076.760)</b>
1. Nguồn kinh phí	431		(50.076.760)	(50.076.760)
<b>TONG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>833.799.354.251</b>	<b>683.680.214.133</b>



Giám đốc

Nguyễn Quang Hiếu

Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

Ngày 12 tháng 08 năm 2023

Phụ trách kế toán

Mạc Thị Hồng Vương

Người lập biểu

Hoàng Thị Thu Huyền

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ**

Số 65A2, đường 30 tháng 4, phường Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

Mẫu số B 02 - DN

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2023	Từ 01/01/2022
			đến 30/06/2023	đến 30/06/2022
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	238.554.696.038	109.434.927.312
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)</b>	<b>10</b>		<b>238.554.696.038</b>	<b>109.434.927.312</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	239.743.468.745	130.047.893.284
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>(1.188.772.707)</b>	<b>(20.612.965.972)</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	1.145.211.180	969.809.727
7. Chi phí tài chính	22	6.4	28.587.139.333	26.075.839.415
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		28.534.435.347	26.075.839.415
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	7.150.227.587	5.066.601.465
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}</b>	<b>30</b>		<b>(35.780.928.447)</b>	<b>(50.785.597.125)</b>
11. Thu nhập khác	31	6.6	67.363.645	515.144.687
12. Chi phí khác	32	6.7	6	131.911.085
<b>13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>67.363.639</b>	<b>383.233.602</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>(35.713.564.808)</b>	<b>(50.402.363.523)</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.8	-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)</b>	<b>60</b>		<b>(35.713.564.808)</b>	<b>(50.402.363.523)</b>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.9	(600)	(847)
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	6.9	(600)	(847)



Giám đốc

Nguyễn Quang Hiếu

Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

Ngày 12 tháng 08 năm 2023

Phụ trách kế toán

Mạc Thị Hồng Vượng

Người lập biểu

Hoàng Thị Thu Huyền

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ**

Số 65A2, đường 30 tháng 4, phường Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

Mẫu số B 03 - DN

Chi tiêu	Mã số	Từ 01/01/2023	Từ 01/01/2022
		đến 30/06/2023 VND	đến 30/06/2022 VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(35.713.564.808)	(50.402.363.523)
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	16.778.745.746	16.796.987.116
- Các khoản dự phòng	03	(17.750.000)	(37.656.500)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(59.188.833)	(464.420.593)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(1.033.318.361)	(505.095.314)
- Chi phí lãi vay	06	28.534.435.347	26.075.839.415
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	8.489.359.091	(8.536.709.399)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(44.714.270.307)	(15.000.386.392)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(18.963.712.298)	(23.042.592.672)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	147.288.153.195	9.608.763.007
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	8.225.164.739	(1.570.325.948)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(346.684.932)	(30.112.571)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(44.100.000)	(158.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>99.933.909.488</b>	<b>(38.729.363.975)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	-	(1.067.200.000)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(12.736.000.000)	(67.871.599)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	60.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	515.729.484	331.145.259
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(12.220.270.516)</b>	<b>(743.926.340)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	8.979.291.871	4.001.124.303
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(3.000.000.000)	-
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(15.678.600)	(16.374.805)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>5.963.613.271</b>	<b>3.984.749.498</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>93.677.252.243</b>	<b>(35.488.540.817)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>38.340.009.768</b>	<b>57.930.227.149</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(13.805.293)	192.536.180
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>132.003.456.718</b>	<b>22.634.222.512</b>



Giám đốc

Nguyễn Quang Hiếu

Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

Ngày 12 tháng 08 năm 2023

Phụ trách kế toán

Mạc Thị Hồng Vương

Người lập biểu

Hoàng Thị Thu Huyền

# CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ

Số 65A2, đường 30 tháng 4, phường Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

Mẫu số B 09 - DN

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

#### 1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3500806844 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp lần đầu ngày 09/7/2007, đăng ký thay đổi lần thứ mười ngày 27/8/2019.

Trụ sở chính của Công ty tại số 65A2, đường 30 tháng 4, phường Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần mười là 594.897.870.000 đồng (Năm trăm chín tư tỷ, tám trăm chín mươi bảy triệu, tám trăm bảy mươi nghìn đồng chẵn).

#### 1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là đóng mới, sửa chữa, hoán cải các loại giàn khoan, giàn khoan khai thác dầu khí, tài thủy, phương tiện nổi và các thiết bị liên quan; kinh doanh các loại thiết bị và nguyên vật liệu liên quan.

#### 1.3 Ngành nghề kinh doanh

- Cho thuê kho bãi, văn phòng, nhà xưởng; hoạt động kho bãi và các hoạt động hỗ trợ;
- Kinh doanh vật tư, thiết bị cơ khí, phụ tùng, phụ kiện, các loại hàng hóa liên quan đến ngành chế tạo các phương tiện nổi; Mua bán vật tư, thiết bị giao thông vận tải, phương tiện, thiết bị chuyên dùng phục vụ hoạt động khoan, khai thác dầu khí; Kinh doanh vật tư, thiết bị cơ khí, phụ tùng, phụ kiện, các loại hàng hóa liên quan đến ngành chế tạo giàn khoan, giàn khoan khai thác dầu khí và chế tạo tàu thủy;
- Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình khai thác dầu, khí đốt và tuyến ống dẫn khí, dầu; Giám sát thi công công trình dân dụng và công nghiệp; Giám sát thi công xây dựng công trình công nghiệp; Giám sát thi công xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật; Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng;
- Dịch vụ thử không phá hủy, xử lý nhiệt mối hàn kim loại và các vật liệu bằng kim loại khác;
- Thiết kế xây dựng công trình biển – dầu khí; Thiết kế hệ thống điện và tự động công trình dầu khí; Thiết kế hệ thống và thiết bị trên tàu biển; Thiết kế cơ khí công trình công nghiệp, dân dụng; Thiết kế xây dựng công trình công nghiệp; Thiết kế lắp đặt thiết bị dầu khí; Thiết kế kết cấu các công trình giao thông đường thủy; Thiết kế kết cấu công trình dân dụng; Thiết kế xây dựng công trình biển – dầu khí;
- Dịch vụ ủy thác mua bán hàng hóa;
- Kinh doanh nhiên liệu, xăng dầu, dầu mỡ bôi trơn và các sản phẩm dầu khí; Bán khí công nghiệp, khí dầu mỏ hóa lỏng;
- Kinh doanh hạ tầng cơ sở khu công nghiệp;
- Tư vấn đầu tư, chuyển giao công nghệ chế tạo giàn khoan; Tổ chức, khai thác thực nghiệm năng lực các phương tiện nổi;
- Lập dự án, chế thử sản xuất, nghiên cứu khoa học – công nghệ, ứng dụng nghiên cứu khoa học – công nghệ và tiêu thụ các sản phẩm nghiên cứu, ứng dụng, sản phẩm giàn khoan, giàn khoan khai thác dầu

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ

Số 65A2, đường 30 tháng 4, phường Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

Mẫu số B 09 - DN

- khí và tàu thủy các phương tiện nổi; Lập dự án, chế thử sản xuất và tiêu thụ sản phẩm giàn khoan, giàn khoan khai thác dầu khí và chế tạo tàu thủy;
- Sản xuất các loại vật liệu, thiết bị cơ khí, điện, điện lạnh, điện tử phục vụ công tác chế tạo giàn khoan, giàn khoan khai thác dầu khí và chế tạo tàu thủy;
  - Chế tạo thiết bị và gia công kết cấu thép cho các công trình công nghiệp, công trình hạ tầng kỹ thuật;
  - Vận tải hành khách bằng xe buýt giữa nội thành và ngoại thành, liên tỉnh;
  - Vận tải hành khách bằng xe buýt loại khác, Vận tải hành khách đường bộ khác;
  - Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Vận tải hàng khách ven biển và viễn dương;
  - Vận tải hành khách đường thủy nội địa; Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
  - Đại lý cung ứng, lai dắt, sửa chữa tàu biển, giàn khoan và giàn khoan khai thác dầu khí; Nạo vét luồng lạch; Dịch vụ cảng, bến cảng;
  - Bốc xếp hàng hóa; Cho thuê phương tiện, thiết bị vận chuyển, nâng hạ, cầu các loại;
  - Cho thuê lại lao động;
  - Vệ sinh tàu biển, giàn khoan và giàn khoan khai thác dầu khí;
  - Đóng mới, sửa chữa, hoán cải các loại giàn khoan, giàn khoan khai thác dầu khí, tàu thủy, các phương tiện nổi, thiết bị và phương tiện mới;
  - Lắp ráp, phục hồi, sửa chữa thiết bị giao thông vận tải, phương tiện, thiết bị chuyên dùng phục vụ hoạt động khoan, khai thác dầu khí;
  - Lắp ráp, phục hồi, sửa chữa và mua bán vật tư, thiết bị giao thông vận tải; Thị công công trình thủy;
  - Hoạt động xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật, dân dụng, công nghiệp, cầu cảng; Xây lắp, chế tạo các công trình dầu khí;
  - Phá dỡ giàn khoan, giàn khai thác dầu khí, tàu thủy, các phương tiện nổi;
  - San lấp, tạo bãi, tạo mặt bằng xây dựng.

#### 1.4 Nhân viên

Số nhân viên tại ngày 30/06/2023 là 280 người (tại ngày 01/01/2023 là 361 người).

#### 1.5 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

#### 1.6 Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính giữa niên độ

Trong kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2023, không có hoạt động nào có ảnh hưởng đáng kể đến các chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính của Công ty.

## 2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ

Số 65A2, đường 30 tháng 4, phường Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

Mẫu số B 09 - DN

### 3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 3.1 Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC về hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ngày 22/12/2014 đã được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính.

#### 3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước ban hành. Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

#### 3.3 Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

### 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

#### 4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và có kỳ hạn, tiền đang chuyển, vàng tiền tệ. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

#### 4.3 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác

#### 4.4 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ

Số 65A2, đường 30 tháng 4, phường Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

Mẫu số B 09 - DN

- Phải thu nội bộ phản ánh các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm;
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm;
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm;
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

#### 4.5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Phương pháp tính giá hàng tồn kho: Bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho là phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

#### 4.6 Tài sản cố định

Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ

Số 65A2, đường 30 tháng 4, phường Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

Mẫu số B 09 - DN

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 và Thông tư 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc, thiết bị	03 - 08
Phương tiện vận tải truyền dẫn	05 - 15
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05
Thiết bị hình thành từ nguồn kinh phí sự nghiệp	02 - 07
Tài sản cố định hữu hình khác	03 - 10
Tài sản cố định vô hình	03 - 10

#### 4.7 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản nào trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ, chi phí lãi vay được vốn hóa và chi phí khác có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

#### 4.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê mặt bằng là 47 năm.

#### 4.9 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả nội bộ phản ánh các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.



## CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ

Số 65A2, đường 30 tháng 4, phường Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

### **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

Mẫu số B 09 - DN

#### **4.10 Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

#### **4.11 Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

#### **4.12 Doanh thu và thu nhập**

##### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành và ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

##### *Doanh thu hợp đồng xây dựng*

Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành trong kỳ phản ánh trên hóa đơn đã lập.

##### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

#### **4.13 Thuế thu nhập doanh nghiệp**

##### *Thuế thu nhập hiện hành*

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ

Số 65A2, đường 30 tháng 4, phường Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

Mẫu số B 09 - DN

#### 4.14 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

#### 5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

##### 5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tiền mặt	400.195.014	1.100.992.307
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	117.652.731.640	33.874.263.598
Các khoản tương đương tiền (i)	13.950.530.064	3.364.753.863
<b>Cộng</b>	<b>132.003.456.718</b>	<b>38.340.009.768</b>

(i) Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi bằng VND có kỳ hạn từ 02 đến 03 tháng tại Ngân hàng thương mại và được hưởng lãi suất 5%/năm đến 5,9%/năm.

##### 5.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>16.704.975.753</b>	<b>4.754.975.753</b>
Tiền gửi có kỳ hạn	16.704.975.753	4.754.975.753
<b>Dài hạn</b>	<b>3.376.131.500</b>	<b>2.590.131.500</b>
Tiền gửi có kỳ hạn	3.376.131.500	2.590.131.500
<b>Cộng</b>	<b>20.081.107.253</b>	<b>7.345.107.253</b>

Tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 6 tháng đến 12 tháng tại các ngân hàng thương mại cổ phần, lãi suất từ 4,9%/năm đến 7,5%/năm.

Tiền gửi có kỳ hạn dài hạn gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn 13 tháng tại Ngân hàng TMCP Quân Đội – chi nhánh Vũng Tàu, lãi suất từ 4,8%/năm đến 5,9%/năm.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ**

Số 65A2, đường 30 tháng 4, phường Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

Mẫu số B 09 - DN

**5.3 Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Phải thu các bên liên quan</b>	<b>70.342.378.739</b>	-	<b>34.280.737.823</b>	-
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cơ khí Hàng hải PTSC	16.994.120.928	-	14.281.671.014	-
Chi nhánh Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Ban Dự án Nhiệt Điện Long Phú	8.276.742.379	-	9.191.991.429	-
Công ty CP Dịch vụ Lắp Đặt, Vận Hành và Bảo Dưỡng Công trình Dầu Khí Biển PTSC	6.501.405.800	-	6.747.364.954	-
Tổng Công ty Cổ Phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	38.462.833.232	-	4.059.710.426	-
viên Khoan Dầu khí nước sâu PVD	107.276.400	-	-	-
<b>Phải thu các khách hàng khác</b>	<b>88.616.944.473</b>	<b>11.330.391.294</b>	<b>82.255.270.507</b>	<b>11.330.391.294</b>
Công ty Cổ phần Cơ Khí Xây Dựng AMECC	58.422.532.649	10.011.698.467	58.422.532.649	10.011.698.467
Công ty CP Xây lắp Dầu khí Miền Nam	2.684.115.976	-	6.467.656.053	-
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và lắp máy Dầu khí	4.235.916.515	-	4.169.803.115	-
Đối tượng khác	23.274.379.333	1.318.692.827	13.195.278.690	1.318.692.827
<b>Cộng</b>	<b>158.959.323.212</b>	<b>11.330.391.294</b>	<b>116.536.008.330</b>	<b>11.330.391.294</b>

**5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Trả trước cho người bán các bên liên quan</b>	-	-	-	-
<b>Trả trước cho người bán khác</b>	<b>9.179.996.261</b>	<b>54.370.000</b>	<b>1.547.209.624</b>	<b>36.620.000</b>
Karl International Pte Ltd	8.283.169.164	-	-	-
Đối tượng khác	896.827.097	54.370.000	1.547.209.624	36.620.000
<b>Cộng</b>	<b>9.179.996.261</b>	<b>54.370.000</b>	<b>1.547.209.624</b>	<b>36.620.000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ**

Số 65A2, đường 30 tháng 4, phường Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

Mẫu số B 09 - DN

**5.5 Phải thu khác ngắn hạn**

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Phải thu các bên liên quan</b>	-	-	-	-
<b>Phải thu khác</b>	<b>2.281.797.301</b>	-	<b>1.568.188.792</b>	-
Phải thu lãi tiền gửi	560.512.355	-	199.416.628	-
Tạm ứng	689.829.066	-	651.598.275	-
Ký quỹ, ký cược	374.253.033	-	374.413.347	-
Phải thu khác	657.202.847	-	342.760.542	-
<b>Cộng</b>	<b>2.281.797.301</b>	-	<b>1.568.188.792</b>	-

**5.6 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi**

	30/06/2023			01/01/2023		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng VND	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	21.342.089.746	10.011.698.452	11.330.391.294	21.342.089.746	10.011.698.452	11.330.391.294
Trả trước cho người bán	54.370.000	-	54.370.000	36.620.000	-	36.620.000
Phải thu ngắn hạn khác	324.488.898	-	324.488.898	324.488.898	-	324.488.898
<b>Cộng</b>	<b>21.720.948.644</b>	<b>10.011.698.452</b>	<b>11.709.250.192</b>	<b>21.703.198.644</b>	<b>10.011.698.452</b>	<b>11.691.500.192</b>

**5.7 Hàng tồn kho**

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	36.163.965.350	903.879.711	37.347.018.541	903.879.711
Công cụ, dụng cụ	1.923.032.856	-	1.846.859.288	-
Chi phí SXKD dở dang (i)	47.102.429.964	-	27.055.009.861	-
Hàng hóa tồn kho	23.171.818	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>85.212.599.988</b>	<b>903.879.711</b>	<b>66.248.887.690</b>	<b>903.879.711</b>

(i) Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang bao gồm các dự án sau:

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Nhiệt điện Long Phú	19.878.381.123	20.123.018.541
Chế tạo cầu dẫn và phao nổi	11.415.745.621	1.041.021.247
DBN-PWM JACKET	13.075.265.370	2.292.740.188
Dự án khác	2.733.037.850	3.598.229.885
<b>Cộng</b>	<b>47.102.429.964</b>	<b>27.055.009.861</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ**

Số 65A2, đường 30 tháng 4, phường Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

Mẫu số B 09 - DN

**5.8 Chi phí trả trước**

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>1.463.137.169</b>	<b>1.565.998.701</b>
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	92.340.901	54.280.075
Các khoản khác	1.370.796.268	1.511.718.626
<b>Dài hạn</b>	<b>113.664.957.173</b>	<b>121.787.260.380</b>
Tiền thuê đất (i)	103.232.166.049	104.772.944.647
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	62.115.898	228.514.262
Các khoản khác	10.370.675.226	16.785.801.471
<b>Cộng</b>	<b>115.128.094.342</b>	<b>123.353.259.081</b>

(i) Tiền thuê đất thể hiện tiền thuê mặt bằng tại căn cứ cảng PTSC thuộc tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu với diện tích 39,8ha theo Hợp đồng thuê số CN107001/HĐKT-PVSB ngày 06/12/2007 đã ký kết với Công ty CP Dầu khí Sao Mai – Bến Đình cho mục đích xây dựng văn phòng, nhà xưởng, kho bãi phục vụ hoạt động kinh doanh. Thời hạn thuê được tính từ hai bên ký biên bản bàn giao mặt bằng đến hết ngày 31/12/2057.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ**

Số 65A2, đường 30 tháng 4, phường Thảng Nhất, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

Mẫu số B 09 - DN

**5.9 Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý		Tài sản hình thành từ nguồn KPSN		Tài sản cố định khác		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
<b>Nguyên giá</b>													
Số dư tại ngày 01/01/2023	741.478.279.483	117.341.493.949	397.182.122.393	9.628.684.059	3.850.699.617	14.797.696.522	1.284.278.976.023						
Số dư tại ngày 30/06/2023	741.478.279.483	117.341.493.949	397.182.122.393	9.628.684.059	3.850.699.617	14.797.696.522	1.284.278.976.023						
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>													
Số dư tại ngày 01/01/2023	549.051.128.998	106.834.719.045	289.613.705.694	9.579.153.641	3.850.699.617	6.999.489.307	965.928.896.302						
- Khấu hao trong kỳ	7.122.373.056	1.446.167.816	7.378.538.190	16.321.596	-	719.099.508	16.682.500.166						
Số dư tại ngày 30/06/2023	556.173.502.054	108.280.886.861	296.992.243.884	9.595.475.237	3.850.699.617	7.718.588.815	982.611.396.468						
<b>Giá trị còn lại</b>													
- Tại ngày 01/01/2023	192.427.150.485	10.506.774.904	107.568.416.699	49.530.418	-	7.798.207.215	318.350.079.721						
- Tại ngày 30/06/2023	185.304.777.429	9.060.607.088	100.189.878.509	33.208.822	-	7.079.107.707	301.667.579.555						

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2023 là 270.047.161.274 đồng, tại ngày 01/01/2023 là 196.055.779.981 đồng.

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình cầm cố thế chấp tại ngày 30/06/2023 là 132.565.543.332 đồng, tại ngày 01/01/2023 là 122.216.212.294 đồng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ**

Số 65A2, đường 30 tháng 4, phường Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

Mẫu số B 09 - DN

**5.10 Tài sản cố định vô hình**

	<i>Phần mềm máy tính</i>	<i>Phần mềm hình thành từ nguồn KPSN</i>	<i>Cộng</i>
	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư tại ngày 01/01/2023	19.667.926.892	56.022.374.210	75.690.301.102
Số dư tại ngày 30/06/2023	19.667.926.892	56.022.374.210	75.690.301.102
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư tại ngày 01/01/2023	18.594.008.582	56.022.374.210	74.616.382.792
- Khấu hao trong kỳ	96.245.580	-	96.245.580
Số dư tại ngày 30/06/2023	18.690.254.162	56.022.374.210	74.712.628.372
<b>Giá trị còn lại</b>			
- Tại ngày 01/01/2023	1.073.918.310	-	1.073.918.310
- Tại ngày 30/06/2023	977.672.730	-	977.672.730

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2023 là 73.885.888.620 đồng, tại ngày 01/01/2023 là 73.885.888.620 đồng.

**5.11 Chi phí cơ bản dở dang**

	<b>30/06/2023</b> VND	<b>01/01/2023</b> VND
Thi công cầu cảng cho sà lan neo đậu, thi công nền bãi 15.000m <sup>2</sup>	18.877.488.398	18.877.488.398
<b>Cộng</b>	<b>18.877.488.398</b>	<b>18.877.488.398</b>

**5.12 Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<b>30/06/2023</b> VND	<b>01/01/2023</b> VND
Chi phí lãi vay	351.406.977.511	323.391.112.726
Chi phí các công trình và chi phí khác	138.794.417.985	11.048.508.255
<b>Cộng</b>	<b>490.201.395.496</b>	<b>334.439.620.981</b>

**5.13 Doanh thu chưa thực hiện**

	<b>30/06/2023</b> VND	<b>01/01/2023</b> VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>32.609.359.860</b>	-
Cho thuê bến, bãi	32.609.359.860	-
<b>Dài hạn</b>	<b>20.523.988.323</b>	<b>20.226.425.473</b>
Cho thuê bến, bãi	20.523.988.323	20.226.425.473
<b>Cộng</b>	<b>53.133.348.183</b>	<b>20.226.425.473</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ**

Số 65A2, đường 30 tháng 4, phường Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

Mẫu số B 09 - DN

**5.14 Phải trả người bán ngắn hạn**

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<b>Phải trả các bên liên quan</b>	<b>5.110.720.241</b>	<b>5.110.720.241</b>	<b>6.174.666.690</b>	<b>6.174.666.690</b>
Công ty CP Bọc ống Dầu khí Việt Nam	2.812.366.173	2.812.366.173	2.812.366.173	2.812.366.173
Công ty Cổ Phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình	1.997.956.904	1.997.956.904	1.567.671.872	1.567.671.872
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cơ khí Hàng hải PTSC	-	-	1.543.116.609	1.543.116.609
Chi nhánh Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Ban Dự án Nhiệt Điện Long Phú	258.500.364	258.500.364	210.376.997	210.376.997
Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro	41.896.800	41.896.800	41.135.039	41.135.039
<b>Phải trả các nhà cung cấp khác</b>	<b>84.095.613.553</b>	<b>84.095.613.553</b>	<b>98.085.699.627</b>	<b>98.085.699.627</b>
National Oilwell Varco LP	12.083.569.899	12.083.569.899	14.481.013.386	14.481.013.386
Công ty TNHH Dịch vụ Cơ khí Quang Huy	9.525.524.910	9.525.524.910	8.383.630.071	8.383.630.071
Công ty TNHH ĐT XD Cường Thịnh Phát	8.900.368.025	8.900.368.025	9.722.546.254	9.722.546.254
Công ty Cổ phần Kỹ thuật HTC	6.729.015.064	6.729.015.064	7.806.696.493	7.806.696.493
Đối tượng khác	46.857.135.655	46.857.135.655	57.691.813.423	57.691.813.423
<b>Cộng</b>	<b>89.206.333.794</b>	<b>89.206.333.794</b>	<b>104.260.366.317</b>	<b>104.260.366.317</b>

**5.15 Phải trả ngắn hạn khác**

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
<b>Phải trả khác các bên liên quan</b>	<b>3.320.278.500</b>	<b>3.320.278.500</b>
Liên doanh dầu khí Việt - Nga	1.080.650.000	1.080.650.000
Tập đoàn Công nghiệp Tàu thủy Việt Nam - Vinashin	2.239.628.500	2.239.628.500
<b>Phải trả các đối tượng khác</b>	<b>16.595.380.731</b>	<b>16.784.492.835</b>
Tài sản chờ xử lý	8.639.400	8.639.400
Kinh phí công đoàn	153.268.761	341.632.869
Phải trả cô tức	14.744.633.292	14.760.311.892
Phải trả khác	1.688.839.278	1.673.908.674
<b>Cộng</b>	<b>19.915.659.231</b>	<b>20.104.771.335</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ**

Số 65A2, đường 30 tháng 4, phường Thới Nhất, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

Mẫu số B 09 - DN

**5.16 Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước**

	01/01/2023		Phát sinh trong kỳ		30/06/2023	
	Phải nộp VND	Phải thu VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	Phải nộp VND	Phải thu VND
Thuế giá trị gia tăng	-	-	4.553.727.355	2.153.964.664	2.399.762.691	-
Thuế xuất khẩu, nhập khẩu	-	208.597.752	-	693.639	-	209.291.391
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	41.777.026	-	-	-	41.777.026
Thuế thu nhập cá nhân	-	245.294.916	563.971.231	551.659.678	-	232.983.363
Thuế tài nguyên	-	-	99.743.175	99.743.175	-	-
Các loại thuế khác	-	1.074.695.050	112.353.930	88.452.575	-	1.050.793.695
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>1.570.364.744</b>	<b>5.329.795.691</b>	<b>2.894.513.731</b>	<b>2.399.762.691</b>	<b>1.534.845.475</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**5.17 Vay và nợ thuế tài chính****5.17.1 Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn**

	30/06/2023		Trong kỳ		01/01/2023	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>5.979.291.871</b>	<b>5.979.291.871</b>	<b>8.979.291.871</b>	<b>3.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Bà Rịa Vũng Tàu (i)	3.979.291.871	3.979.291.871	6.979.291.871	3.000.000.000	-	-
Phạm Trường Giang (ii)	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000	-	-	-
<b>Nợ dài hạn đến hạn trả</b>	<b>607.799.997.260</b>	<b>607.799.997.260</b>	<b>39.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>568.799.997.260</b>	<b>568.799.997.260</b>
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu (iii)	607.799.997.260	607.799.997.260	39.000.000.000	-	568.799.997.260	568.799.997.260
<b>Cộng</b>	<b>613.779.289.131</b>	<b>613.779.289.131</b>	<b>47.979.291.871</b>	<b>3.000.000.000</b>	<b>568.799.997.260</b>	<b>568.799.997.260</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ

Số 65A2, đường 30 tháng 4, phường Tháng Nhất, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

Mẫu số B 09 - DN

(i) Hợp đồng cho vay Số 03/2023-HĐCVHM/NHCT880-PVSHIPYARD tháng 03 năm 2023 giữa Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Bà Rịa Vũng Tàu và Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí với các điều khoản chi tiết như sau:

- Hạn mức cho vay: 7.000.000.000 VND;
- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh;
- Thời gian: đến tháng 4 năm 2024;
- Lãi suất: Theo thời điểm nhận nợ;

(ii) Hợp đồng cho vay số 17.5.23 ngày 17/05/2023, kỳ hạn 3 tháng với lãi suất 16%/ năm, hình thức đảm bảo khoản vay là tín chấp, mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày.

### 5.17.2 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	30/06/2023				01/01/2023			
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giảm VND	Số có khả năng trả nợ VND
<b>Vay dài hạn</b>	<b>1.104.449.097</b>	<b>1.104.449.097</b>	-	<b>39.000.000.000</b>	<b>40.104.449.097</b>	<b>40.104.449.097</b>	<b>40.104.449.097</b>	
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu (iii)	1.104.449.097	1.104.449.097	-	39.000.000.000	40.104.449.097	40.104.449.097	40.104.449.097	
<b>Cộng</b>	<b>1.104.449.097</b>	<b>1.104.449.097</b>	-	<b>39.000.000.000</b>	<b>40.104.449.097</b>	<b>40.104.449.097</b>	<b>40.104.449.097</b>	

(iii) Vay ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu bao gồm 2 hợp đồng sau:

- Hợp đồng tín dụng số 11/2011/HĐTDUT/TCDK-CNVT ngày 17/05/2011. Hạn mức cho vay là 641 tỷ VND; Mục Đích cho vay: Thanh toán chi phí đầu tư của dự án "Xây dựng căn cứ đóng mới và sửa chữa giàn khoan dầu khí" giai đoạn 1. Thời hạn cho vay ban đầu là 12 tháng từ ngày 24/05/2011 đến ngày 24/5/2012 và gia hạn đến 24/11/2014 theo phụ lục số 01/11/2011/HĐTDUT/TCDK-CNVT. TD Khoản vay này đã giải ngân hết trong năm 2011.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ**

Số 65A2, đường 30 tháng 4, phường Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

Mẫu số B 09 - DN

- Hợp đồng tín dụng số 07/HDTDUT/TCDK.TD ngày 18/03/2011. Hạn mức cho vay 250 tỷ VND. Mục đích cho vay: Thanh toán chi phí đầu tư của dự án "Xây dựng căn cứ đóng mới và sửa chữa giàn khoan dầu khí". Lãi suất cho vay bằng huy động vốn từ tổ chức kinh tế kỳ hạn 12 tháng của PVcombank tại thời điểm xác định lãi suất cộng 5%/năm đối với khoản vay giải ngân trước ngày 06/10/2022 và 14,2% đối với khoản vay giải ngân sau ngày 06/10/2011. Thời hạn vay là thời hạn từ khi Tập đoàn Dầu khí Việt Nam chuyển vốn uỷ thác cho PVcombank đến ngày 06/04/2012.

Ngày 09/05/2013, Công ty và PVcomBank đã ký hai phụ lục hợp đồng tín dụng số 02/07/HDTDUT/TCDK-CNVT.TD và số 02/11/2011/HDTDUT/TCDK-CNVT.TD cho hai hợp đồng tín dụng. Theo đó, hai khoản vay này được cơ cấu lại và gia hạn đến ngày 31/12/2018. Hai khoản vay này sẽ được trả làm nhiều lần bắt đầu từ ngày 30/06/2014 đến ngày 31/12/2018. Khoản vay chịu lãi suất bằng lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng lãi trả sau của Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (Vietcombank) tại thời điểm điều chỉnh lãi suất cộng phí uỷ thác (0,15%/năm).

Ngày 29/06/2015, Công ty và PVcomBank đã ký hai phụ lục hợp đồng tín dụng số 03/07/HDTDUT/TCDK-CNVT.TD và số 03/11/2011/HDTDUT/TCDK-CNVT.TD cho hai hợp đồng tín dụng. Theo đó, khoản nợ gốc còn lại được trả tới 30/06/2024. Số dư nợ gốc còn lại tại ngày 30/06/2023 là 608.904.446.357 VND (tại ngày 01/01/2023 là 608.904.446.357 VND).

**5.18 Vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Số dư tại ngày 01/01/2022</b>	<b>594.897.870.000</b>	<b>2.597.721.463</b>	<b>(889.833.251.725)</b>	<b>(292.337.660.262)</b>
Lỗ trong năm trước	-	-	(115.480.165.582)	(115.480.165.582)
<b>Số dư tại ngày 31/12/2022</b>	<b>594.897.870.000</b>	<b>2.597.721.463</b>	<b>(1.005.313.417.307)</b>	<b>(407.817.825.844)</b>
<b>Số dư tại ngày 01/01/2023</b>	<b>594.897.870.000</b>	<b>2.597.721.463</b>	<b>(1.005.313.417.307)</b>	<b>(407.817.825.844)</b>
Lỗ trong kỳ này	-	-	(35.713.564.808)	(35.713.564.808)
<b>Số dư tại ngày 30/06/2023</b>	<b>594.897.870.000</b>	<b>2.597.721.463</b>	<b>(1.041.026.982.115)</b>	<b>(443.531.390.652)</b>

**Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tổng Công ty CP Dịch vụ kỹ thuật Dầu Khí Việt Nam	171.056.430.000	171.056.430.000
Tổng Công ty Công nghiệp Tàu Thủy	44.792.570.000	44.792.570.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	24.000.000.000	24.000.000.000
Liên doanh Dầu khí Việt - Nga	21.613.000.000	21.613.000.000
Tổng Công ty lắp máy Việt Nam - CTCP	24.000.000.000	24.000.000.000
Các Cổ đông khác	309.435.870.000	309.435.870.000
<b>Cộng</b>	<b>594.897.870.000</b>	<b>594.897.870.000</b>

**Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022
	VND	VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại ngày đầu kỳ	594.897.870.000	594.897.870.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp tại ngày cuối kỳ	594.897.870.000	594.897.870.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ**

Số 65A2, đường 30 tháng 4, phường Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

Mẫu số B 09 - DN

**5.19 Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán**

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Ngoại tệ các loại		
- Đô la Mỹ (USD)	4.785.434,49	1.066.346,45
- Euro (EUR)	85,27	85,27

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ****6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022
	VND	VND
Doanh thu dịch vụ bến bãi, phương tiện, cầu cảng, dịch vụ khác	40.614.321.724	35.667.890.174
Doanh thu chế tạo, đóng mới, sửa chữa phương tiện nổi	197.940.374.314	73.767.037.138
<b>Cộng</b>	<b>238.554.696.038</b>	<b>109.434.927.312</b>

**6.2 Giá vốn hàng bán**

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022
	VND	VND
Giá vốn dịch vụ bến bãi, phương tiện, cầu cảng, dịch vụ khác	42.646.586.247	43.756.264.822
Giá vốn chế tạo, đóng mới, sửa chữa phương tiện nổi	197.096.882.498	86.291.628.462
<b>Cộng</b>	<b>239.743.468.745</b>	<b>130.047.893.284</b>

**6.3 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.033.318.361	505.095.314
Lãi chênh lệch tỷ giá	111.892.819	464.714.413
<b>Cộng</b>	<b>1.145.211.180</b>	<b>969.809.727</b>

**6.4 Chi phí tài chính**

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022
	VND	VND
Lãi tiền vay	28.534.435.347	26.075.839.415
Lỗ chênh lệch tỷ giá	52.703.986	-
<b>Cộng</b>	<b>28.587.139.333</b>	<b>26.075.839.415</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ**

Số 65A2, đường 30 tháng 4, phường Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

Mẫu số B 09 - DN

**6.5 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND
Chi phí nhân viên quản lý	4.966.561.015	2.201.721.750
Chi phí khác	2.183.666.572	2.864.879.715
<b>Cộng</b>	<b>7.150.227.587</b>	<b>5.066.601.465</b>

**6.6 Thu nhập khác**

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND
Thu nhập khác	67.363.645	515.144.687
<b>Cộng</b>	<b>67.363.645</b>	<b>515.144.687</b>

**6.7 Chi phí khác**

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND
Chi phí khác	6	131.911.085
<b>Cộng</b>	<b>6</b>	<b>131.911.085</b>

**6.8 Chi phí thuế TNDN hiện hành**

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	(35.713.564.808)	(50.402.363.523)
- Các khoản điều chỉnh tăng	27.501.116.986	25.826.224.251
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận tính thuế thu nhập doanh nghiệp	(8.212.447.822)	(24.576.139.272)
Lợi nhuận tính thuế thu nhập doanh nghiệp	(8.212.447.822)	(24.576.139.272)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp ước tính phải nộp</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**6.9 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(35.713.564.808)	(50.402.363.523)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(35.713.564.808)	(50.402.363.523)
Bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông (không bao gồm cổ phiếu quỹ) để tính lãi trên cổ phiếu	59.489.787	59.489.787
Bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông (không bao gồm cổ phiếu quỹ) được điều chỉnh để tính lãi trên cổ phiếu	59.489.787	59.489.787
<b>Lãi cơ bản/Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>		
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(600)	(847)
- Lãi suy giảm trên cổ phiếu	(600)	(847)

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ**

Số 65A2, đường 30 tháng 4, phường Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

Mẫu số B 09 - DN

**6.10 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	30.106.086.189	21.635.546.236
Chi phí nhân công	29.186.440.058	33.854.997.566
Chi phí khấu hao tài sản cố định	17.089.106.920	16.796.987.116
Chi phí dịch vụ mua ngoài	161.156.606.240	86.376.873.841
Chi phí khác bằng tiền	2.170.544.860	2.100.896.374
<b>Cộng</b>	<b>239.708.784.267</b>	<b>160.765.301.133</b>

**7. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****7.1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

**7.1.1. Danh sách các bên liên quan có giao dịch với Công ty trong năm**

<b><u>Bên liên quan</u></b>	<b><u>Mối quan hệ</u></b>
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cơ khí Hàng hải PTSC	Cùng chủ đầu tư
Chi nhánh Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Ban Dự án Nhiệt Điện Long Phú	Cùng chủ đầu tư
Công ty CP Thương mại dịch vụ Kỹ thuật Khoan Dầu khí PVD	Cùng tập đoàn
Tổng Công ty Cổ Phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	Cổ đông lớn
Công ty TNHH Một thành viên Khoan Dầu khí nước sâu PVD	Cùng tập đoàn
Công ty CP Bọc ống dầu khí Việt Nam	Cùng tập đoàn
Công ty Cổ Phần Đầu Tư Dầu Khí Sao Mai - Bến Đình	Cùng chủ đầu tư
Công ty CP Dịch vụ khai thác Dầu khí PTSC	Cùng chủ đầu tư
Công ty CP Dịch vụ Lắp Đặt, Vận Hành và Bảo Dưỡng Công trình Dầu Khí Biển PTSC	Cùng chủ đầu tư
Liên doanh Dầu khí Việt - Nga	Cổ đông
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	Cổ đông
Tập đoàn công nghiệp Tàu thủy Việt Nam - Vinashin	Cổ đông
Công ty TNHH MTV Công nghiệp tàu thủy Dung Quất	Cùng tập đoàn
Chi nhánh Tổng Công ty CP Khoan và dịch vụ khoan dầu khí - Xi nghiệp điều hành khoan	Cùng tập đoàn

**7.1.2. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt**

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc trong kỳ như sau:

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ**

Số 65A2, đường 30 tháng 4, phường Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

Mẫu số B 09 - DN

Thu nhập của Hội đồng quản trị trong kỳ		Từ 01/01/2023	Từ 01/01/2022
		đến 30/06/2023	đến 30/06/2022
		VND	VND
Ông Trần Hoài Nam	Chủ tịch	22.500.000	30.000.000
Ông Bùi Thanh Nam	Chủ tịch	40.972.000	-
Ông Nguyễn Quang Hiếu	Thành viên	18.000.000	18.000.000
Ông Vũ Minh Phú	Thành viên	18.000.000	18.000.000
Ông Nguyễn Tuấn	Thành viên	18.000.000	3.000.000
Ông Nguyễn Văn Bảo	Thành viên	-	15.000.000
Ông Nguyễn Văn Quang	Thành viên	-	15.000.000
Bà Lê Hương Giang	Thành viên	-	15.000.000
<b>Cộng</b>		<b>117.472.000</b>	<b>114.000.000</b>
Thu nhập của Ban Kiểm soát trong kỳ		Từ 01/01/2023	Từ 01/01/2022
		đến 30/06/2023	đến 30/06/2022
		VND	VND
Phạm Công Huy	Thành viên	12.000.000	2.000.000
Phạm Thường Minh	Thành viên	12.000.000	2.000.000
Ông Nguyễn Phương Anh	Thành viên	-	10.000.000
Ông Lục Dũng Minh	Thành viên	-	10.000.000
Bà Bùi Thanh Hương	Thành viên	-	10.000.000
<b>Cộng</b>		<b>24.000.000</b>	<b>34.000.000</b>
Thu nhập Ban Giám đốc trong kỳ		Từ 01/01/2023	Từ 01/01/2022
		đến 30/06/2023	đến 30/06/2022
		VND	VND
Ông Nguyễn Quang Hiếu	Giám đốc	220.000.000	217.000.000
Ông Nguyễn Nam Anh	Phó Giám đốc	210.985.100	205.181.999
Ông Ninh Văn Quyết	Phó Giám đốc	192.000.098	188.538.462
Ông Kiều Tư	Trợ lý Ban Giám đốc	154.999.999	-
Ông Lý Việt Cường	Trợ lý Ban Giám đốc	155.662.109	-
Ông Phạm Trường Giang	Trợ lý Ban Giám đốc	154.675.000	152.948.250
Ông Phan Văn Hải	Trợ lý Ban Giám đốc	-	204.850.404
<b>Cộng</b>		<b>1.088.322.306</b>	<b>968.519.115</b>

Các giao dịch khác với thành viên quản lý chủ chốt và các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt:

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công ty không có số dư phải thu/phải trả khác với các thành viên quản lý chủ chốt.

**7.1.3. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác**

Các bên liên quan khác với Công ty bao gồm: Các công ty con, các công ty liên kết, cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát, các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ, các doanh nghiệp do các nhân viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ**

Số 65A2, đường 30 tháng 4, phường Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

Mẫu số B 09 - DN

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cơ khí Hàng hải PTSC	57.843.520.320	26.453.001.895
Chi nhánh Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Ban Dự án Nhiệt Điện Long Phú	3.093.887.310	2.036.273.585
Công ty TNHH Một thành viên Khoan Dầu khí nước sâu PVD	195.048.000	217.809.500
Công ty Cổ Phần Đầu Tư Dầu Khí Sao Mai - Bến Đình	819.799.909	448.309.611
Công ty CP Dịch vụ Lắp Đặt, Vận Hành và Bảo Dưỡng Công trình Dầu Khí Biển PTSC	6.019.481.132	6.249.177.893
<b>Mua dịch vụ</b>		
Chi nhánh Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Ban Dự án Nhiệt Điện Long Phú	43.748.516	-
Công ty Cổ Phần Đầu Tư Dầu Khí Sao Mai - Bến Đình	2.740.038.029	3.009.189.755
Liên doanh Dầu khí Việt - Nga	76.176.000	38.088.000

Ngoài các số dư với các bên liên quan đã nêu ở các Thuyết minh trên, Công ty không còn có các số dư với các bên liên quan khác.

**7.2. Thông tin về bộ phận**

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ về hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

Chúng tôi không trình bày báo cáo bộ phận trên Báo cáo tài chính bởi vì ban Giám đốc đã đánh giá và kết luận rằng Công ty không có nhiều hơn một bộ phận (cả lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý) để báo cáo theo quy định của Chuẩn mực kế toán.

**7.3. Những khoản nợ tiềm tàng**

Không phát sinh bất kỳ khoản nợ tiềm tàng nào phát sinh từ những sự kiện đã xảy ra có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính mà Công ty không kiểm soát được hoặc chưa ghi nhận.

**7.4. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 và Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2022 đã được kiểm toán.

**7.5. Thông tin về hoạt động liên tục**

Tại ngày 30/06/2023, Công ty đã báo cáo số lỗ lũy kế là 1.041.026.982.115 đồng (tại ngày 01/01/2023 là 1.005.313.417.307 đồng), tổng nợ phải trả ngắn hạn đã vượt quá tổng tài sản ngắn hạn là 860.353.406.223 đồng (tại ngày 01/01/2023 là 810.052.453.218 đồng) và cũng tại ngày này khoản gốc vay quá hạn thanh toán là 529.799.997.260 đồng (tại ngày 01/01/2023 là 451.799.997.260 đồng) lãi vay quá hạn thanh toán là 351.406.977.511 đồng (tại ngày 01/01/2023 là 323.391.112.726 đồng). Theo đó, khả năng tiếp tục hoạt động kinh doanh của công ty phụ thuộc vào khả năng tạo ra đủ lượng tiền phục vụ kinh doanh. Công ty tin tưởng rằng hoạt động kinh doanh sẽ tiếp tục với việc thu hồi công nợ phải thu từ các dự án đã hoàn thành,



## CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ

Số 65A2, đường 30 tháng 4, phường Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

Mẫu số B 09 - DN

việc thực hiện các hợp đồng kinh tế đã và sẽ được ký kết và thực hiện trong những năm tiếp theo tạo dòng tiền để có thể thanh toán các khoản công nợ. Đồng thời, công ty đang tiếp tục xin cơ cấu lại khoản nợ vay của Ngân hàng. Do đó, Báo cáo tài chính được trình bày trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

### 7.6. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính này.



Giám đốc

Nguyễn Quang Hiếu

Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

Ngày 12 tháng 08 năm 2023

Phụ trách kế toán

Mạc Thị Hồng Vượng

Người lập biểu

Hoàng Thị Thu Huyền

